

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ S  
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày 14- 12- 2022

V/v: tranh chấp ly hôn và con chung

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Với thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Trần Thị Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Thân;

Bà Phạm Thị Diệu Hạnh

*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Vương Thị Thanh Lan– Thư ký Toà án nhân dân thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, Thái Nguyên:* Ông Vũ Đại Dương – Kiểm sát viên

Ngày 14/12/2022 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố S, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 117/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/ 11/2022, giữa:

**Nguyên đơn:** Hoàng Thị Y, sinh năm 1993, có mặt

**Bị đơn:** Anh Vi Văn T, sinh năm 1984, có mặt

Đều trú tại: TDP D, phường B, Tp S, tỉnh Thái Nguyên

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện và các lời khai , nguyên đơn chị Hoàng Thị Y trình bày:**

Chị và anh Vi Văn T kết hôn năm 2016 đăng ký tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Thái Nguyên, kết hôn là cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn cãi nhau và có xảy ra bạo lực gia đình. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Toà án cho chị được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Vi Bảo L, sinh ngày 23/11/2016. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

**\* *Tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà bị đơn anh T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Y kết hôn năm 2016 đăng ký tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Thái Nguyên, kết hôn là cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống anh xác định vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống vợ chồng không đáng phải ly hôn, anh mong muốn chị Y rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau làm ăn để nuôi dạy con. Nay chị Y có đơn xin ly hôn anh không nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị Y có 01 con chung là Vi Bảo L, sinh ngày 23/11/2016. Trong trường hợp phải ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên toà anh nhất trí để chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

-Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên Toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S phát biểu quan điểm: Đây là vụ án “*Tranh chấp ly hôn và con chung*” căn cứ Điều 28, 35, 39 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố S. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, đã được thực hiện theo đúng trình tự tố tụng, không có vi phạm, không có đề xuất kiến nghị gì.

**\* Về quan điểm giải quyết vụ án:**

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị Y với anh Vi Văn T.

- Về con chung: Đề nghị giao cho chị Y trực tiếp nuôi con chung là Vi Bảo L, sinh ngày 23/11/2016.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T.

-Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của

pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Hoàng Thị Y khởi kiện xin ly hôn với bị đơn là anh Vi Văn T. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại TDP D, phường B, Thành phố S, tỉnh Thái Nguyên, đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh T kết hôn năm 2016 đăng ký tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Thái Nguyên, trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, xảy ra cãi vã thường xuyên, vợ chồng thiếu tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau, bạo lực gia đình xảy ra thường xuyên, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không T hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân được một thời gian dài, đôi bên không còn liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay chị Y đề nghị Toà án cho chị ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống. Anh T không nhất trí ly hôn mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng bản thân anh T cũng xác định vợ chồng đã ly thân, không quan tâm đến nhau, không còn khả năng đoàn tụ. Điều đó T hiện cho thấy chị Y, anh T không có T hiện, động thái tích cực để cùng nhau giải quyết mâu thuẫn và cải thiện tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không T kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Y làm đơn xin ly hôn là có cơ sở. Do đó chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Y, cho chị Y được ly hôn với anh T là không phù hợp với thực tế và Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2015. Không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vi Bảo L, sinh ngày 23/11/2016, hiện cháu Vi Bảo L đang ở cùng chị Y. Quá trình giải quyết cả chị Y, anh T đều có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, cháu Vi Bảo L, hiện vẫn đang ở với mẹ là chị Y trực tiếp

nuôi dưỡng, chăm sóc, hiện cháu vẫn phát triển toàn diện, bình thường. Tòa án đã có Quyết định yêu cầu các bên cung cấp tài liệu chứng cứ liên chỗ sinh hoạt và thu nhập của các bên để đảm bảo quyền nuôi con chung, theo yêu cầu của Tòa án chị Y cũng đã cung cấp tài liệu, chứng minh về điều kiện nuôi con chung, hiện tại chị có công việc ổn định, có thu nhập đủ điều kiện về kinh tế, nơi ở ổn định, điều kiện trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Để đảm bảo sự phát triển toàn diện, đầy đủ mọi mặt của con chung sau này, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị Y, giao cho chị Y được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Vì Bảo L là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về phía anh T mặc dù cũng có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, nhưng anh T không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh về điều kiện nuôi con chung, nên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Lộc của anh T không có cơ sở chấp nhận. Tại phiên tòa anh T nhất trí giao cho chị Y nuôi con chung nếu Tòa chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y. xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T cho đến khi chị Y có yêu cầu. Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung do vậy Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này. Khi các bên đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án khác.

Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. Chị Y, anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 180, 227, 228; Điều 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 57, 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị Y. Chị Hoàng Thị Y được ly hôn anh Vi Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Vi Bảo L, sinh ngày 23/11/2016 cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T cho đến khi chị Y có yêu cầu.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này. Khi các bên đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án khác.

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị Y phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước, được trừ từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001699 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho chị Y, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPSC tỉnh TN;
- Chi cục THADS TPSC tỉnh TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký và đóng dấu)

**Trần Thị Bình**

6

Trần Thị Bình







